



BioClean-C™ Sleeve Covers - Sterile S-BCSC

Sterile cleanroom sleeve covers for protection against chemotherapy drugs

- **Bảo vệ tối ưu:** Bao tay bảo vệ hóa trị liệu BioClean™ được phát triển đặc biệt để bảo vệ chống lại nhiều loại thuốc hóa trị liệu, với đường may liên kết siêu âm và băng dính bảo vệ, để tăng cường độ an toàn
- **Đảm bảo sạch sẽ:** Những bao tay bảo vệ hóa trị liệu này được làm từ vật liệu CleanTough™ vô trùng, nhẹ và ít xơ vải
- **Đảm bảo bảo vệ rào cản:** Bao tay bảo vệ hóa trị liệu BioClean-C™ đã được kiểm tra theo tiêu chuẩn thẩm ASTM F739-12
- **Tối đa hóa tính thực tiễn:** Những bao tay vô trùng một kích cỡ phù hợp với tất cả này được thiết kế để mặc nhanh chóng và đơn giản
- **Giảm nguy cơ nhiễm bẩn:** Chúng được đóng gói đặc biệt để loại bỏ nhiễm chéo và được khử trùng bằng chiếu xạ gamma để đạt SAL tối thiểu là 10⁻⁶
- **Vừa vặn chắc chắn:** Vòng ngón cái tích hợp giữ cho bao tay không bị cuộn lại và để lộ cánh tay hoặc cổ tay



Key Features and Benefits

- ◊ **Ultrasonically bonded seam:** For sleeve covers that deliver a secure fit
- ◊ **Lightweight, low-linting CleanTough™ fabric:** Comfort and durability
- ◊ **ASTM F739-12 compliance:** For assured permeation protection

Các ngành công nghiệp

- Môi trường được kiểm soát chính xác
- Chế tạo và Sản xuất
- Phòng thí nghiệm và Nghiên cứu





BioClean-C™ Sleeve Covers - Sterile S-BCSC

TECHNICAL DATA SHEET

PRODUCT INFORMATION

Vật liệu	{EB3FC5C8-9B74-43B1-9DE4-155A75700CB8}
Tiêu chuẩn kiểm nghiệm	Manufacturing QMS Audit Standards ISO 9001, PPE Regulation 2016 425 Module D
Tiêu chuẩn	ASTM F739, CE 0598, EN 13935-2, Tiêu chuẩn EN ISO 14325, EN 14605:2005 + A1:2009, Tiêu chuẩn EN ISO 13688:2013, Partial Body Protection Only, Hạng III, UKCA
Tổng quan về bao bì	One pair per sealed inner PE bag; 15 inner bags per sealed outer PE bag; 6 outer bags per lined carton (90 pairs)
Phương pháp tiệt trùng	Chiếu tia GAMMA (25 kGy)
Liều tiệt khuẩn tối thiểu	25kGy
Mức độ đảm bảo vô trùng	10 ⁻⁶
Thời hạn sử dụng	3 years
Các đặc tính	Bụi nhỏ

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM RƠI HẠT

KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ
Rơi hạt (Thử nghiệm trống Helmke)	≥ 0.5Qm (số đếm/phút) <1700

KẾT QUẢ PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM ASTM F739-12

DƯỢC PHẨM	Thời gian đột phá trung bình (MBT), phút Breakthrough of the test chemical is deemed to have occurred when the permeation rate has reached 0.1 Qg/cm ² /min
CISPLATIN	>480
CYCLOPHOSAMIDE	>480
DOXORUBICINHYDROCHLORIDE	>480
5-FLUOROURACIL	>480
METHOTREXATE	>480
ETOPOSIDE	>480
PACLITAXEL	>480
THIOTEPA	>456

Kết quả đạt được trong điều kiện được kiểm soát của phòng thí nghiệm, do phòng thí nghiệm bên ngoài được công nhận thực hiện.

BIỂU ĐỒ KÍCH THƯỚC

S-BCSC; Size: Universal



BioClean-C™ Sleeve Covers - Sterile S-BCSC

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM ĐẶC TÍNH VẬT LIỆU

KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ	LỚP HIỆU SUẤT	PERFORMANCE STANDARD
Chống mài mòn	>10 cycles	1	EN 12947-2
Chống đâm thủng	>5 N	1	ISO 13996
Cường độ chịu xé hình thang Hướn ngang máy (CD)	EN ISO 9073-4	1	
Cường độ chịu xé hình thang Hướn dọc máy (MD)	>10 N	1	EN ISO 9073-4
Độ bền kéo Hướn ngang máy (CD)	>30 N	1	EN ISO 13934-1
Độ bền kéo Hướn dọc máy (MD)	>30 N	1	EN ISO 13934-1
Khả năng chống thấm chất lỏng - 30% H ₂ O	>90%	3	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - 10% NaOH	>90%		ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - O-Xylene	>80%	2	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng- Butan-1-ol	>90%	3	ISO 6530
Khả năng ngấm chất lỏng - 30% H ₂ O	<1%	3	ISO 6530
Khả năng chống thấm chất lỏng - 10% NaOH	<1%	3	ISO 6530
Khả năng ngấm chất lỏng - O-Xylene	<1%	3	ISO 6530
Khả năng ngấm chất lỏng - Butan-1-ol	<1%	3	ISO 6530
Độ bền đường may ¹	>50 N		

THÔNG TIN ĐẶT HÀNG

	KÍCH THƯỚC	BioClean-C Sleeve Covers - Sterile S-BCSC
S BCSC	MÃ SỐ ĐẶT MUA LẠI	S-BCSC

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập trang web www.ansell.com của chúng tôi, hoặc gọi cho chúng tôi theo số

Khu vực Châu Âu, Trung Đông & Châu Phi

Ansell Healthcare Europe NV
Điện thoại: +32 (0) 2 528 74 00
Fax: +32 (0) 2 528 74 01

Khu vực Châu Á Thái Bình Dương

Ansell Global Trading Center
Điện thoại: +603 8310 6688
Fax: +603 8310 6699

Khu vực Bắc Mỹ

Ansell Healthcare Products LLC
Số điện thoại tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0444
Số fax tại Hoa Kỳ: +1 800 800 0445
Số điện thoại tại CA: +1-800-363-8340

Khu vực Mỹ Latinh & Caribe

Ansell Commercial Mexico S.A. de C.V.
Điện thoại: +52 442 248 1544 / 248 3133

Australia

Ansell Limited
Điện thoại: +61 1800 337 041
Fax: +61 1800 803 578

Vương quốc Anh

Ansell Nitritex
Điện thoại: +44 1638 663338
Fax: +44 1638 668890

Tiêu chuẩn Hiệu suất và Tuân thủ Quy định

CE 0598



Ansell, ® và ™ là các nhãn hiệu thuộc sở hữu của Ansell Limited hoặc một trong các công ty liên kết của công ty này. Bằng sáng chế Hoa Kỳ và Bằng sáng chế Hoa Kỳ và không thuộc Hoa Kỳ đang chờ xử lý: www.ansell.com/patentmarking © 2025 Ansell Limited. Đã đăng ký Bản quyền.

Tài liệu này cũng như bất kỳ tuyên bố nào khác được đưa ra ở đây bởi hoặc thay mặt cho Ansell đều không được hiểu là sẽ bảo đảm khả năng bán được hoặc rằng bất kỳ sản phẩm nào của Ansell đều phù hợp cho một mục đích cụ thể nào đó. Ansell không chịu trách nhiệm về sự phù hợp hoặc đúng đắn của sự lựa chọn hoặc tay của người dùng cuối cho một ứng dụng cụ thể.

Vui lòng xem gói xác thực sản phẩm hoặc liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng của Ansell để biết dữ liệu cụ thể về việc sử dụng sản phẩm may mặc dành cho thuốc gây độc tế bào. Sản phẩm may mặc được sử dụng để phòng chống lại các loại thuốc này phải được lựa chọn riêng cho loại hóa chất được sử dụng.

